

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

BÙI VĂN LÂM

**PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25**

**Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30**

**TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng – Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Huỳnh Năm

Phản biện 1: TS. Trần Đình Khôi Nguyên
Phản biện 2: TS. Phan Thị Minh Lý

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 13 tháng 08 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phân tích tình hình tài chính giúp cho các nhà quản lý doanh nghiệp thấy được những biến động về tài chính trong quá khứ, hiện tại và dự báo được những biến động về tài chính trong tương lai của doanh nghiệp mình, từ đó tiến hành huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính một cách thích hợp và hiệu quả. Đánh giá đúng nhu cầu tài chính, tìm được nguồn tài trợ và sử dụng một cách có hiệu quả là vấn đề quan tâm hàng đầu của bất kỳ doanh nghiệp nào. Như vậy, doanh nghiệp phải thường xuyên phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra các quyết định kinh doanh cho phù hợp là một tất yếu.

Đặc biệt, phân tích tình hình tài chính trong các công ty cổ phần là vấn đề khá phức tạp và có ý nghĩa ngày càng quan trọng, khi công ty cổ phần trở thành hình thức tổ chức kinh tế phát triển phổ biến, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Công ty Cổ phần Vinaconex 25 có vị trí rất quan trọng đối với khu vực miền trung, tây nguyên nói chung và Quảng Nam, Đà Nẵng nói riêng. So với yêu cầu đặt ra thì việc phân tích tình hình tài chính hiện nay của Công ty chưa đáp ứng được một cách hiệu quả. Hơn nữa, hiện nay chưa có một công trình khoa học nào về Phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25.

Chính vì những lý do trên, sau một thời gian tìm hiểu về Công ty Cổ phần Vinaconex 25, tác giả cho rằng việc phân tích tình hình tài chính tại công ty này là một vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Do đó, tác giả đã chọn đề tài: « **Phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25** » làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn góp phần hệ thống hóa các vấn đề lý luận về phân tích tình hình tài chính trong công ty cổ phần. Đồng thời, thông qua việc đánh giá thực trạng phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25, luận văn đưa ra các giải pháp hoàn thiện phân tích tình hình tài chính tại Công ty. Hy vọng những kết quả nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25 có giá trị áp dụng chung cho các công ty khác, đặc biệt là các công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận về phân tích tình hình tài chính trong các công ty cổ phần, thực tiễn và giải pháp hoàn thiện phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25.

Phạm vi nghiên cứu là Công ty Cổ phần Vinaconex 25.

4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn sử dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp so sánh, phương pháp chi tiết, phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng và một số phương pháp phân tích kinh tế, tài chính khác.

5. Những đóng góp của luận văn

Luận văn hệ thống hoá cơ sở lý luận cơ bản về phân tích tình hình tài chính trong các công ty cổ phần.

Luận văn đánh giá thực trạng phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25.

Luận văn đề xuất các giải pháp chủ yếu góp phần hoàn thiện công tác phân tích tình hình tài chính phục vụ nhu cầu quản lý tài chính, sản xuất kinh doanh và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

6. Kết cấu của luận văn

Tên của luận văn: “ Phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25”.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về phân tích tình hình tài chính các công ty cổ phần.

Chương 2: Thực trạng phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinanconex 25.

Chương 3: Hoàn thiện công tác phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1.1. Quá trình hình thành công ty cổ phần ở Việt Nam

Công ty cổ phần được hình thành do việc thành lập mới công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp và do kết quả cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

1.1.2. Những đặc trưng cơ bản của công ty cổ phần

Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản trong phạm vi số vốn đã góp. Có sự tách biệt chủ sở hữu là các cổ đông góp vốn với người quản lý, điều hành.

1.1.3. Hoạt động tài chính trong các công ty cổ phần

1.1.3.1. Các quan hệ tài chính của công ty cổ phần

Ngoài các quan hệ tài chính như các loại hình doanh nghiệp khác thì đối với công ty cổ phần có các quan hệ tài chính sau:

- Nhóm quan hệ kinh tế giữa công ty cổ phần với các cổ đông, các nhà đầu tư thông qua việc mua bán chứng khoán, chi trả lợi tức cổ phần, huy động thêm vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh và các quan hệ khác trên thị trường chứng khoán. Đây là nhóm quan hệ kinh tế cơ bản của công ty cổ phần.

- Nhóm quan hệ kinh tế giữa công ty cổ phần với thị trường vốn. Thông qua thị trường vốn, công ty cổ phần có thể huy động vốn bằng cách phát hành chứng khoán.

- Nhóm các quan hệ tài chính khác như mối quan hệ giữa công ty cổ phần với Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc,...

1.1.3.2. Nội dung của hoạt động tài chính trong công ty cổ phần

Hoạt động tài chính trong các công ty cổ phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: xác định nhu cầu vốn, tìm kiếm và huy động vốn đáp ứng tốt nhu cầu vốn; sử dụng vốn hợp lý, đạt hiệu quả cao nhất trong sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần.

1.1.3.3. Nhiệm vụ của hoạt động tài chính trong công ty cổ phần

Vốn kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như sự phát triển của công ty. Do đó, nhiệm vụ cơ bản của hoạt động tài chính trong công ty cổ phần là đảm bảo cho công ty có đầy đủ, kịp thời số vốn tối thiểu, cần thiết và hợp pháp để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

1.2.1. Ý nghĩa phân tích tình hình tài chính trong công ty cổ phần

Phân tích tình hình tài chính sẽ tạo ra các chứng cứ có tính hệ thống và khoa học đối với các nhà quản trị, sẽ giúp cho quản trị công ty khắc phục được những thiếu sót, phát huy những mặt tích cực. Trên cơ sở đó, đề ra được những giải pháp hữu hiệu nhằm lựa chọn quyết định phương án tối ưu cho hoạt động kinh doanh của công ty.

1.2.2. Các phương pháp phân tích tình hình tài chính

Để thực hiện phân tích tình hình tài chính, thường sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp so sánh, phương pháp phân chia (chi tiết), phương pháp liên hệ đối chiếu, phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, phương pháp hồi quy.

1.2.3. Nội dung phân tích tình hình tài chính trong công ty cổ phần

1.2.3.1. Phân tích khái quát tình hình tài chính công ty cổ phần

- *Phân tích sự biến động và cơ cấu tài sản.*

- *Phân tích sự biến động và cơ cấu nguồn vốn.*

- *Phân tích tính tự chủ về tài chính:* thường sử dụng các chỉ tiêu: tỷ suất nợ, tỷ suất tự tài trợ, tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu.

- *Phân tích tính ổn định của nguồn tài trợ:* thường sử dụng hai chỉ tiêu: tỷ suất nguồn vốn thường xuyên và tỷ suất nguồn vốn tạm thời.

- *Phân tích cân bằng tài chính:* nhằm giúp cho công ty biết được sự cân đối giữa các yếu tố của nguồn tài trợ với các yếu tố của tài sản. Được thực hiện thông qua việc xem xét vốn lưu động ròng và

nhu cầu vốn lưu động ròng, qua đó xem xét ngân quỹ ròng.

1.2.3.2. Phân tích hiệu quả hoạt động của công ty cổ phần

Phân tích hiệu quả hoạt động của công ty sẽ cung cấp cho nhà quản lý các chỉ tiêu để làm rõ: hiệu quả của công ty đạt được là do tác động của quá trình kinh doanh hay do tác động của chính sách tài chính.

Hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính của công ty có mối quan hệ qua lại nên phân tích hiệu quả hoạt động của công ty cần phải xem xét đầy đủ cả hai hoạt động này.

Thứ nhất, phân tích hiệu quả kinh doanh của công ty: hiệu quả kinh doanh là một phạm trù kinh tế tổng hợp, được tạo thành bởi tất cả các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh. Do vậy, hiệu quả kinh doanh của một công ty không chỉ được xem xét một cách tổng hợp mà còn được nghiên cứu trên cơ sở các yếu tố thành phần của nó, đó là hiệu quả cá biệt.

* **Phân tích các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả cá biệt:** Các chỉ tiêu biểu hiện hiệu quả cá biệt như: hiệu suất sử dụng tài sản, hiệu suất sử dụng tài sản cố định, hiệu suất sử dụng vốn lưu động.

* **Phân tích các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tổng hợp:** Để nhận định tổng quát và xem xét hiệu quả tổng hợp phải dựa vào các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của công ty, như các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần, tỷ suất sinh lời tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (RE).

Thứ hai, phân tích hiệu quả tài chính của công ty: nhằm đánh giá sự tăng trưởng của tài sản cho công ty so với tổng số vốn mà công ty thực có, đó là khả năng sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE).

1.2.3.3. Phân tích rủi ro của công ty cổ phần

Phân tích rủi ro không những có ý nghĩa với công ty cổ phần mà còn có ý nghĩa đối với các nhà đầu tư chứng khoán, các cổ đông của công ty cổ phần và các bên liên quan. Bao gồm: phân tích rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro phá sản.

Thứ nhất, phân tích rủi ro kinh doanh: Rủi ro kinh doanh được hiểu là rủi ro gắn liền với sự không chắc chắn sự biến thiên của kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

Thứ hai, phân tích rủi ro tài chính: Rủi ro tài chính là rủi ro do việc sử dụng nợ mang lại, nó gắn liền với cơ cấu tài chính của công ty. Phân tích rủi ro tài chính qua đòn bẩy tài chính, trong đó chú ý đến phân tích mối quan hệ giữa EBIT và EPS là phân tích sự ảnh hưởng của những phương án tài trợ khác nhau đối với lợi nhuận trên cổ phần. Từ sự phân tích này, chúng ta sẽ tìm ra một điểm bàng quan, tức là điểm của EBIT mà ở đó các phương án tài trợ đều mang lại EPS như nhau.

Thứ ba, phân tích rủi ro phá sản: Rủi ro phá sản gắn liền với khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty, công ty thường sử dụng các chỉ tiêu như: Khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tức thời và một số chỉ tiêu mang tính chất quản trị để đánh giá khả năng trả nợ của công ty. Ngoài các chỉ tiêu trên, thì hiện nay để đánh giá về nguy cơ phá sản của công ty, người ta còn áp dụng chỉ số Z (Z- score).

1.2.3.4. Phân tích chứng khoán của công ty cổ phần

Đối với công ty cổ phần đã niêm yết, việc phân tích chứng khoán của công ty thông qua các chỉ tiêu liên quan đến cổ phần, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, cũng như lãnh đạo công ty đánh giá đúng

thực trạng hoạt động tài chính của công ty cổ phần, thấy được phần nào rủi ro của công ty. Để phân tích chứng khoán, thường sử dụng nhóm các chỉ tiêu sau: lãi cơ bản trên cổ phiếu – EPS, tỷ lệ trả lãi cổ phiếu, tỷ suất cổ tức, hệ số giá trên thu nhập – P/E và giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu.

1.2.3.5. Phân tích khả năng tạo tiền và tình hình luân chuyển tiền của công ty cổ phần

Phân tích khả năng tạo tiền và tình hình luân chuyển tiền của công ty cổ phần sẽ cung cấp cho công ty biết được tiền tệ của công ty sinh ra từ đâu và sử dụng vào mục đích gì. Từ đó, dự đoán được lượng tiền trong tương lai, nắm được năng lực thanh toán hiện tại cũng như biết được biến động của từng chỉ tiêu, từng khoản mục trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Đồng thời, cũng thấy được quan hệ giữa lãi (lỗ) ròng với luồng tiền tệ cũng như hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính ảnh hưởng đến tiền tệ ở mức độ nào, làm tăng hay làm giảm tiền tệ.

1.2.4. Đặc điểm phân tích tình hình tài chính trong các doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng thường kéo dài. Vì vậy, chi phí SXKD dở dang chiếm tỷ trọng lớn, dẫn đến tài sản lưu động của các doanh nghiệp xây lắp cũng chiếm tỷ trọng lớn, cho nên các chỉ tiêu về VLĐ, nhu cầu về VLĐ thông thường là lớn. Do vậy, khi phân tích cân bằng tài chính thông qua chỉ tiêu VLĐR, nhu cầu VLĐR, hay cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn cần lưu ý đến đặc điểm này để đánh giá đúng thực trạng.

Chu kỳ SXKD của các doanh nghiệp xây lắp kéo dài. Do đó, khi phân tích về tốc độ luân chuyển vốn của các doanh nghiệp này thông thường thì các chỉ tiêu phản ánh vòng quay VLĐ thấp hơn các doanh nghiệp khác.

Sản phẩm xây lắp thường diễn ra ngoài trời, do đó việc thi công xây lắp ở một mức độ nào đó mang tính chất thời vụ. Vì vậy, khi phân tích các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp xây lắp thì cần phải quan tâm đến tính thời vụ để có đánh giá hợp lý.

1.2.5. Các thông tin cần thiết để sử dụng phân tích tình hình tài chính công ty cổ phần.

1.2.5.1. Thông tin từ hệ thống kế toán

1.2.5.2. Các nguồn thông tin khác

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Vinaconex 25 tiền thân là Công ty xây lắp số 3 Quảng Nam - Đà Nẵng, được thành lập theo Quyết định số 832/QĐ-UB ngày 13/4/1984 của UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cũ.

Năm 2002, Công ty được tiếp nhận làm doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam và đổi tên thành Công ty xây lắp Vinaconex 25 theo Quyết định số 1584/QĐ-BXD ngày 21/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Năm 2005, Công ty chuyển sang cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Vinaconex 25.

Năm 2009 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinaconex 25 chính thức giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty

2.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

2.1.5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

2.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25.

2.2.1. Phân tích khái quát tình hình tài chính tại Công ty

Công ty Cổ phần Vinaconex 25 sử dụng kết hợp giữa phương pháp so sánh và phương pháp phân tích chi tiết để tiến hành phân tích khái quát tình hình tài chính thông qua những chỉ tiêu sau:

* *Phân tích chung sự biến động và cơ cấu tài sản:* cuối năm 2010 tổng tài sản của Công ty là 411 tỷ đồng, tăng lên đáng kể so với đầu năm, ứng với tỷ lệ tăng là 60,1%. Điều này chứng tỏ quy mô về sản xuất kinh doanh của Công ty được mở rộng. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 87,16%; tài sản dài hạn chiếm 12,84% trong tổng tài sản.

* *Phân tích chung sự biến động và cơ cấu nguồn:* trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty, nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn. Đầu năm 2010 nợ phải trả chiếm 78%, đến cuối năm chiếm 81,28%. Điều này cho thấy hoạt động của Công ty chủ yếu là dựa vào vốn vay và các nguồn lực từ bên ngoài.

Bên cạnh việc phân tích chung sự biến động và cơ cấu tài sản, nguồn vốn, Công ty cũng tiến hành phân tích chi tiết tình hình biến động tài sản cố định và vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, để phân tích khái quát tình hình tài chính của Công ty được đầy đủ, cần thiết phải tiến hành phân tích tính tự chủ về tài chính, phân tích cân bằng tài chính theo quan hệ

cân đối giữa tài sản với tính ổn định của nguồn tài trợ tài sản.

2.2.2. Phân tích kết quả và hiệu quả kinh doanh tại Công ty

** Thứ nhất, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh:* Công ty Cổ phần Vinaconex 25 căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, đã tiến hành so sánh số liệu của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh qua các kỳ kể cả số tuyệt đối và tương đối. Cụ thể, trong năm 2010 doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 34,23% so với năm 2009, tương ứng giá vốn cũng tăng 34,06%. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 36,54%; Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng 780 đồng. Như vậy, qua sự phân tích này đã phản ánh được sự tăng trưởng của hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn có xây dựng kế hoạch của một số chỉ tiêu, từ đó so sánh thực tế với kế hoạch để biết được mức độ hoàn thành kế hoạch, cũng như nguyên nhân hoàn thành hay không hoàn thành kế hoạch của một số chỉ tiêu.

** Thứ hai, phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty:* Công ty tiến hành phân tích hiệu quả hoạt động thông qua việc phân tích khả năng sinh lời, đó là khả năng tạo ra lợi nhuận cuối cùng của doanh thu, tài sản và vốn chủ sở hữu. Công ty, sử dụng phương pháp so sánh, để tiến hành so sánh một số chỉ tiêu như: tỷ suất lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần; tỷ suất lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu nhằm xác định mức độ biến động của các chỉ tiêu đó qua các năm, để từ đó có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động của Công ty qua các năm. Cụ thể, trong năm 2010 tỷ suất lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản giảm, điều này chứng tỏ hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty trong năm 2010 kém hơn so với năm 2009.

Mặc dù, việc phân tích khả năng sinh lời đã được Công ty Cổ phần Vinaconex 25 quan tâm phân tích, nhưng hầu như chỉ tiến hành so sánh và đánh giá khái quát khả năng sinh lời, mà chưa đi sâu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc tăng giảm các chỉ tiêu trên. Do vậy, thông tin phân tích chưa thiết thực, chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị tài chính Công ty.

Khi phân tích về hiệu quả kinh doanh, Công ty Cổ phần Vinaconex 25 chỉ tiến hành phân hiệu quả kinh doanh tổng hợp, thông qua một vài chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời. Trong khi đó, hiệu quả kinh doanh nói chung là một phạm trù kinh tế tổng hợp, được tạo thành bởi tất cả các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh. Do vậy, hiệu quả kinh doanh của một công ty không chỉ được xem xét một cách tổng hợp mà còn được nghiên cứu trên cơ sở các yếu tố thành phần của nó, đó là hiệu quả cá biệt.

2.2.3. Phân tích rủi ro tại Công ty

Công ty Cổ phần Vinaconex 25 tiến hành phân tích rủi ro thông qua việc phân tích khả năng thanh toán: khả năng thanh toán chung, khả năng thanh toán ngắn hạn, khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán tức thời. Trong năm 2010 khả năng thanh toán của Công ty không có sự biến động lớn so với năm 2009 và vẫn được đảm bảo với khả năng thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1. Công ty cũng chỉ dừng lại ở việc so sánh sự biến động của các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán qua các kỳ với nhau, mà chưa phân tích được nguyên nhân ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu trên chỉ được xem xét trong trạng thái tĩnh nên chưa đánh giá đầy đủ về khả năng thanh toán của Công ty. Trong khi đó, trong tài sản ngắn hạn của Công ty, thì các khoản phải thu và hàng tồn kho chiếm

tỷ trọng rất lớn. Vì vậy, để đánh giá sát hơn về khả năng thanh toán Công ty cần phải tiến hành xem xét đến khả năng hoán chuyển thành tiền của nợ phải thu và hàng tồn kho. Khi phân tích về rủi ro phá sản, ngoài việc sử dụng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, thì Công ty nên vận dụng mô hình Z-Score để có thể biết được nguy cơ phá sản, trên cơ sở đó giúp cho các nhà quản lý Công ty đưa ra các quyết định phù hợp nhằm giảm được rủi ro phá sản của Công ty. Như vậy, khi phân tích về rủi ro, Công ty chỉ phân tích rủi ro phá sản thông qua việc phân tích khả năng thanh toán mà chưa phân tích rủi ro kinh doanh, cũng như rủi ro tài chính.

2.3. TỔ CHỨC PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Công tác phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25, có thể khái quát qua một số điểm sau:

Thứ nhất: Phòng Tài chính kế hoạch trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phân tích tình hình tài chính trên cơ sở các thông tin có được từ các báo cáo tài chính đã được lập hàng quý, năm và những báo cáo nội bộ khác theo yêu cầu cụ thể của lãnh đạo, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, của những tổ chức tín dụng đang cho vay vốn; yêu cầu của công tác lập kế hoạch tài chính.

Thứ hai: Tài liệu sử dụng cho phân tích tình hình tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các báo cáo được lập theo quy định của Nhà nước.

Thứ ba: Các báo cáo phân tích tình hình tài chính được lập theo nội dung yêu cầu của cấp trên, các tổ chức tín dụng, Ủy ban chứng khoán nhà nước dưới dạng các văn bản. Tuy nhiên, cũng chưa thực sự được sử dụng phổ biến trong công tác đánh giá tình hình tài chính nội bộ Công ty và lập kế hoạch tài chính hàng năm.

2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Qua nghiên cứu thực tế phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25, có thể đưa ra một số đánh giá khái quát như sau:

2.4.1. Ưu điểm: Công ty đã nhận thức được vai trò của phân tích tình hình tài chính phục vụ cho các quyết định quản trị kinh doanh trong các khâu huy động vốn và sử dụng vốn, cũng như trong việc phân phối kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã tiến hành phân tích một số nội dung thuộc tình hình tài chính để phục vụ cho hoạt động SXKD như: Phân tích khái quát tình hình tài chính của Công ty, phân tích kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty và phân tích rủi ro thông qua việc phân tích khả năng thanh toán.

2.4.2. Nhược điểm: công tác phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25 thông thường chỉ được thực hiện vào cuối quý, cuối năm để công bố thông tin theo yêu cầu của thị trường chứng khoán và để lập Báo cáo thường niên của Công ty chứ chưa được thực hiện thường xuyên, do đó nội dung, chỉ tiêu và phương pháp phân tích còn đơn giản. Vì vậy, chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin tốt nhất phục vụ cho hoạt động SXKD:

*** Về nội dung phân tích tại Công ty còn một số hạn chế sau:** Nội dung phân tích chỉ mới dừng lại ở việc so sánh sự biến động của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, chỉ mới phân tích một số chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, phản ánh khả năng sinh lời của Công ty và cũng chưa đi sâu phân tích các nội dung này, chưa tiến hành phân tích các nội dung quan trọng khác. Cụ thể:

- *Thứ nhất,* khi phân tích khái quát tình hình tài chính tại Công

ty: Công ty chưa tiến hành phân tích tính tự chủ về tài chính của Công ty và phân tích cân bằng tài chính theo quan hệ cân đối giữa tài sản với tính ổn định của nguồn tài trợ tài sản.

- *Thứ hai*, khi phân tích về hiệu quả kinh doanh, Công ty chỉ mới tiến hành phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp, thông qua các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời mà chưa phân tích hiệu quả cá biệt.

- *Thứ ba*, khi phân tích về rủi ro, Công ty chỉ mới tiến hành phân tích rủi ro phá sản thông qua chỉ tiêu khả năng thanh toán. Công ty chưa tiến hành phân tích rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính.

- *Thứ tư*, là Công ty cổ phần niêm yết nhưng Công ty chưa tiến hành phân tích mối quan hệ giữa EBIT và EPS, để thấy được sự ảnh hưởng của những phương án tài trợ khác nhau đối với lợi nhuận trên cổ phần. Công ty cũng chỉ mới tính toán một vài chỉ tiêu tài chính chứ chưa phân tích một cách có hệ thống và thường xuyên về chứng khoán.

- *Thứ năm*, Công ty cũng chưa phân tích khả năng tạo tiền và tình hình lưu chuyển tiền, để biết được tiền tệ của Công ty được tạo ra từ hoạt động nào và dự báo được khả năng tạo tiền trong tương lai của Công ty, để giúp cho Công ty phòng tránh được rủi ro tài chính có thể xảy ra.

* **Về phương pháp phân tích**, Công ty Cổ phần Vinaconex 25 chỉ áp dụng một số phương pháp giản đơn như: phương pháp so sánh, phương pháp phân tích chi tiết. Do vậy, không thể đi sâu vào đánh giá đầy đủ về thực trạng tình tài chính của công ty, để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm giúp Công ty hoạt động hiệu quả hơn.

* **Về tổ chức phân tích**, công tác phân tích tình hình tài chính tại Công ty được giao cho Phòng tài chính kế hoạch, chưa được tổ chức thành một bộ phận chuyên trách, chưa có kế hoạch chi tiết về nội dung, phạm vi,

thời gian và công tác chuẩn bị tài liệu, rà soát và kiểm tra tài liệu trước khi phân tích chưa được chu đáo. Vì vậy, mà kết quả phân tích còn sơ sài, chưa lột tả được bản chất các chỉ tiêu và nội dung cần phân tích.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX25

3.1. YÊU CẦU HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY

Công tác phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25 cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

Thứ nhất, phải đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ chính sách, chế độ quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước.

Thứ hai, phải đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin kịp thời, trung thực cho các nhà quản lý, cũng như mọi đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty.

Thứ ba, nội dung và phương pháp phân tích tình hình tài chính phải đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY

3.2.1. Hoàn thiện nội dung phân tích khái quát tình hình tài chính tại Công ty

Hoàn thiện nội dung phân tích khái quát tình hình tài chính tại Công ty, cần thiết phải bổ sung phân tích tính tự chủ về tài chính và phân tích cân bằng tài chính theo quan hệ cân đối giữa tài sản với tính ổn định của nguồn tài trợ tài sản.

Thứ nhất, phân tích tính tự chủ về tài chính của Công ty: thông qua việc phân tích tính tự chủ về tài chính giúp cho Công ty biết được tài sản của Công ty được tài trợ bởi bao nhiêu phần trăm nợ phải trả, bao nhiêu phần trăm là vốn chủ sở hữu. Từ đó, giúp cho Công ty đưa ra chính sách huy động vốn hợp lý, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm được rủi ro. Cụ thể, trong năm 2010 toàn bộ tài sản của Công ty được tài trợ bằng 81% nợ phải trả và 19% vốn chủ sở hữu. Điều này chứng tỏ tính tự chủ về tài chính của Công ty là thấp, vốn kinh doanh phụ thuộc phần lớn từ bên ngoài.

Thứ hai, Phân tích cân bằng tài chính theo quan hệ cân đối giữa tài sản với tính ổn định của nguồn tài trợ tài sản: Qua kết quả phân tích trong bảng 3.2 cho thấy VLĐR của Công ty trong hai năm 2009 và 2010 đều dương, đặc biệt trong năm 2010 VLĐR đã tăng đáng kể so với năm 2009 (từ 18,8 tỷ đồng lên 31,8 tỷ đồng). Điều này cho thấy, NVTX của Công ty không chỉ sử dụng để tài trợ TSDH mà còn sử dụng tài trợ một phần cho TSNH. Như vậy, cân bằng tài chính của Công ty được đánh giá tốt và an toàn. Tuy nhiên, VLĐR của Công ty trong hai năm qua đều nhỏ hơn nhu cầu VLĐR, hay NQR âm. Điều này có nghĩa là VLĐR không đủ để tài trợ cho nhu cầu VLĐR và Công ty phải huy động các khoản vay ngắn hạn để bù đắp sự thiếu hụt đó. Cũng dựa vào bảng phân tích 3.2, cho thấy NVTX chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn của Công ty, đây không phải là biểu hiện của tính ổn định và cân bằng tài chính không tốt mà là do đặc điểm ngành của Công ty. Như ta thấy, hệ số NVTX so với TSDH luôn lớn hơn 1. Hơn thế nữa, NVTX của Công ty chủ yếu là VCSH, chiếm trên 90% NVTX. Vì thế, cân bằng tài chính của Công ty qua các năm là an toàn và bền vững.

3.2.2. Hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty

Ngoài các nội dung và phương pháp mà Công ty đã áp dụng, Công ty cần bổ sung thêm nội dung và phương pháp phân tích thích hợp nhằm giúp Công ty đánh giá tốt hơn về hiệu quả hoạt động, cũng như nâng cao được hiệu quả hoạt động của Công ty.

* **Thứ nhất**, bổ sung nội dung phân tích hiệu suất sử dụng tài sản, bên cạnh việc sử dụng phương pháp so sánh, cần phải sử dụng phương pháp phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tốc độ lưu chuyển vốn, để thấy được hiệu suất sử dụng tài sản tăng lên hay giảm xuống chịu ảnh hưởng bởi nhân tố nào và mức độ là bao nhiêu. Từ đó, có thể giúp cho Công ty đưa ra quyết định phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Qua kết quả phân tích cho thấy, hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản đã giảm từ 1,315 năm 2009 xuống còn 1,266 năm 2010. Trong đó, hiệu suất sử dụng TSCĐ thì lại tăng 1,508; còn số vòng quay vốn lưu động giảm 0,075. Số vòng quay vốn lưu động giảm là do ảnh hưởng của nhân tố doanh thu thuần (0,525) và vốn lưu động bình quân (-0,6).

* **Thứ hai**, bổ sung phương pháp phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của tài sản. Khả năng sinh lời của tài sản năm 2010 giảm so với năm 2009 là 0,108 chủ yếu là do việc sử dụng và quản lý tài sản không tốt đã làm cho khả năng sinh lời của tài sản giảm 0,173. Trong khi đó, khả năng sinh lời từ các hoạt động SXKD của Công ty tốt đã làm cho khả năng sinh lời tài sản của Công ty tăng lên 0,065.

* **Thứ ba**, bổ sung phương pháp phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu. Khả năng sinh lời vốn chủ sở hữu năm 2010 tăng so với năm 2009 là 0,021 là do sự tác động

của hiệu quả kinh doanh làm cho khả năng sinh lời vốn chủ sở hữu giảm 0,003, nhân tố khả năng tự tài trợ làm cho khả năng sinh lời vốn chủ sở hữu tăng lên 0,024.

3.2.3. Hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích rủi ro tại Công ty

Công ty Cổ phần Vinaconex 25 đã tiến hành phân tích khả năng thanh toán của Công ty, trên cơ sở đó đánh giá được một phần về rủi ro của Công ty. Tuy nhiên, để đánh giá sát hơn về khả năng thanh toán cần xem xét đến khả năng hoán chuyển thành tiền của nợ phải thu và hàng tồn kho. Bên cạnh việc sử dụng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, để phân tích về rủi ro phá sản, thì Công ty nên vận dụng mô hình Z-Score.

Công ty Cổ phần Vinaconex 25 là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, nên tác giả sử dụng mô hình 3, tác giả xây dựng bảng phân tích sau:

Bảng 3.9. Chỉ số Z của Công ty từ năm 2006-2010

	2006	2007	2008	2009	2010
X1	0,0105	0,1617	0,1159	0,0731	0,0770
X2	0,0100	0,0233	0,0278	0,0309	0,0181
X3	0,0662	0,0725	0,0950	0,0722	0,0696
X4	0,1531	0,4303	0,4088	0,4589	0,4023
Z	0,7068	2,0753	1,9189	1,5477	1,4541
Nhóm	3	2	2	2	2
<i>Nhóm 1: Chưa có nguy cơ phá sản ($Z > 2,6$)</i>					
<i>Nhóm 2: Có thể có nguy cơ phá sản ($1,1 < Z < 2,6$)</i>					
<i>Nhóm 3: Nguy cơ phá sản cao ($Z < 1,1$)</i>					

Ngoài việc phân tích về rủi ro phá sản, để có đánh giá đầy đủ về rủi ro của Công ty, cần phải bổ sung nội dung phân tích rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính của Công ty.

Thứ nhất, phân tích rủi ro kinh doanh qua độ biến thiên: Chỉ tiêu nghiên cứu là tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA). Tác giả đã thu thập chỉ tiêu ROA (giai đoạn 2007-2010) của 20 công ty đang hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và đã niêm yết, đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, với giả thiết là xác suất để đạt được ROA qua các năm là như nhau. Qua kết quả phân tích cho thấy, hệ số biến thiên về ROA của Công ty là thấp nhất trong số 20 công ty được khảo sát.

Thứ hai, Phân tích rủi ro tài chính:

***Phân tích rủi ro tài chính qua độ biến thiên:** Chỉ tiêu nghiên cứu là khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE). Tác giả đã thu thập chỉ tiêu ROE (giai đoạn 2007-2010) của 20 công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và đã niêm yết, đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội, với giả thiết là xác suất để đạt được ROE qua các năm là như nhau. Qua kết quả phân tích cho thấy, hệ số biến thiên về ROE của Công ty cũng thấp nhất trong số 20 công ty được khảo sát.

***Phân tích rủi ro tài chính qua đòn bẩy tài chính và có xem xét đến mối quan hệ giữa EBIT và EPS:** thông qua độ lớn đòn bẩy tài chính, giúp cho Công ty xác định được mức biến động của lợi nhuận trên một đồng vốn chủ sở hữu của các phương án tài trợ. Và việc xem xét mối quan hệ giữa EBIT-EPS giúp Công ty thấy được sự ảnh hưởng của những phương án tài trợ khác nhau đối với lợi nhuận trên cổ phần. Từ đó, có thể chủ động lựa chọn các phương án tài trợ sao cho hạn chế được rủi ro và có lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đặc biệt, đối với Công ty Cổ phần Vinaconex 25 là công ty đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nên việc phân tích này là cần thiết đối với Công ty. Tác giả lập bảng phân tích sau:

Bảng 3.13. Phân tích mối quan hệ giữa EBIT – EPS (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	Phương án tài trợ	
	Cổ phiếu phổ thông	Vay
1. LNTT và lãi vay (Ebit)	38.517.613.459	38.517.613.459
2. Lãi suất		33.480.000.000
3. Lợi nhuận trước thuế	38.517.613.459	5.037.613.459
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.629.403.365	1.259.403.365
5. Lợi nhuận sau thuế	28.888.210.094	3.778.210.094
6. Số lượng cổ phần phổ thông	13.639.805	5.724.911
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Eps)	2.118	660

Từ kết quả tính toán ở bảng trên, tác giả xác định điểm bàng quan bằng phương pháp đại số giữa các phương án là 57.696.372.358 đồng. Thông qua đó giúp Công ty có thể chủ động lựa chọn các phương án tài trợ sao cho có lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

* Bổ sung phương pháp phân tích hồi quy

Để xem xét mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tỷ suất nợ của Công ty Cổ phần Vinaconex 25, từ đó giúp cho Công ty có thể hạn chế được rủi ro, Công ty cần bổ sung thêm phương pháp phân tích hồi quy. Tác giả xây dựng mô hình hồi quy sau:

$$Y = a_0 + a_1X_1 + a_2X_2 + a_3X_3 + a_4X_4 + a_5X_5 + a_6X_6 + a_7X_7$$

Trong đó: Biến phụ thuộc là tỷ suất nợ - Y (Nợ trên tổng tài sản). Các biến độc lập bao gồm: X_1 – Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA); X_2 – Tài sản cố định hữu hình (được đo bằng tài sản cố định hữu hình trên tổng tài sản); X_3 – Thuế (được đo bằng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên EBIT); X_4 – Quy mô của Công ty (được đo bằng giá trị

logarith của tổng tài sản); X_5 – Cơ hội tăng trưởng (được đo bằng tốc độ tăng tài sản); X_6 – Đặc điểm riêng tài sản của Công ty (được đo bằng giá vốn hàng bán trên tổng doanh thu thuần); X_7 – Tính thanh khoản (được đo bằng tài sản ngắn hạn trên nợ ngắn hạn).

Từ kết quả phân tích hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất nợ, mô hình hồi quy có dạng:

$$Y = 1,446 - 1,227X_2 - 0,473X_7 (*)$$

Mô hình (*) là mô hình tương đối phù hợp, vì mô hình đã giải thích được 93,2% ($R^2 = 0,932$). Như vậy, từ mô hình này, có thể xác định được tỷ suất nợ hợp lý trong thời gian tới thông qua các phương án giả định. Từ đó giúp cho các nhà quản trị Công ty đưa ra các chính sách quản lý đúng đắn, hiệu quả, giảm được rủi ro cho Công ty.

3.2.4. Bổ sung nội dung phân tích chứng khoán tại Công ty: Công ty Cổ phần Vinaconex 25 là Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, thì việc phân tích nội dung này không những có ý nghĩa quan trọng đối với Công ty mà còn đối với các nhà đầu tư, các đối tượng quan tâm đến Công ty. Để phân tích chứng khoán, tác giả lập bảng phân tích để tính các chỉ tiêu tài chính qua các năm từ 2007 đến năm 2010. Qua đó, xem xét sự biến động của các chỉ tiêu để đưa ra một số nhận xét về tình hình giao dịch chứng khoán của Công ty trên thị trường chứng khoán.

3.2.5. Bổ sung nội dung phân tích khả năng tạo tiền và tình hình lưu chuyển tiền tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25

Qua kết quả phân tích trong bảng phân tích 3.16 cho thấy, lưu chuyển tiền thuần trong năm 2010 là 19.564.037.101 đồng. Trong đó, tổng dòng tiền thu vào từ các hoạt động là: 869.066.569.953 đồng (tỷ trọng dòng tiền thu vào từ hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính,

hoạt động đầu tư trong tổng dòng tiền thu vào lần lượt là 60,1%; 39,69%; 0,21%), tổng dòng tiền chi ra từ các hoạt động là: 849.502.532.852 đồng (tỷ trọng dòng tiền chi ra từ HĐKD, HĐTC, HĐĐT trong tổng dòng tiền chi ra lần lượt là 57,91%; 40,18%; 1,91%)

3.2.6. Hoàn thiện công tác tổ chức phân tích tình hình tài chính tại Công ty

Xác định rõ đối tượng sử dụng thông tin từ việc phân tích tình hình tài chính. Từ đó làm cơ sở xây dựng kế hoạch phân tích cụ thể. Tiến hành thu thập thông tin, tính toán các chỉ tiêu phân tích và cần phải căn cứ vào mục tiêu, nội dung phân tích đã xác định trong kế hoạch phân tích nhằm tính các chỉ tiêu phân tích phù hợp, đảm bảo tính chuyên sâu của việc phân tích, tăng hiệu quả của công tác phân tích. Hoàn thành phân tích phải lập báo cáo phân tích đưa ra các kết luận về ưu, khuyết điểm chủ yếu trong công tác quản lý, các nguyên nhân cơ bản đã tác động tích cực hoặc tiêu cực đến kết quả hoạt động cũng như các biện pháp khắc phục và khai thác các tiềm năng của Công ty.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, mỗi một công ty muốn tồn tại và phát triển phải nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng quản trị công ty. Muốn vậy, thì việc phân tích hoạt động kinh doanh nói chung và phân tích tình hình tài chính nói riêng là việc đòi hỏi cấp thiết trong việc quản lý tài chính. Thật vậy, từ những vấn đề lý luận và thực tiễn đã trình bày ở trên, chúng ta có thể thấy, phân tích tình hình tài chính có một ý nghĩa hết sức to lớn và là công cụ quản lý đắc lực đối với các nhà quản lý công ty. Làm tốt công tác phân tích tình hình tài chính sẽ giúp cho các nhà quản lý có được

những thông tin tin cậy để từ đó đưa ra các quyết định phù hợp. Đặc biệt, đối với các công ty cổ phần đã đăng ký, niêm yết, giao dịch trên thị trường chứng khoán, yêu cầu công khai minh bạch thông tin, đòi hỏi ngày càng phải sử dụng nhiều hơn nữa các công cụ tài chính để góp phần phát triển công ty và đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Qua tìm hiểu về lý luận phân tích tình hình tài chính và thực tế công tác phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25, tác giả đã hoàn thành luận văn cao học với đề tài: “ Phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25”, về cơ bản đã giải quyết được một số vấn đề sau:

Thứ nhất, đã trình bày lý luận và hệ thống hóa các phương pháp và nội dung phân tích tình hình tài chính trong các công ty cổ phần. Nêu lên được những đặc trưng cơ bản của công ty cổ phần có ảnh hưởng đến phân tích tình hình tài chính.

Thứ hai, đã tìm hiểu được thực trạng phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25 và đưa ra những đánh giá đối với công tác phân tích tình hình tài chính tại Công ty.

Thứ ba, trên cơ sở nghiên cứu lý luận về phân tích tình hình tài chính và thực trạng công tác phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25, luận văn đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25.

Thứ tư, kết quả của luận văn có thể áp dụng thực tế trong công tác phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Vinaconex 25, phù hợp với đặc trưng của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nói riêng, cũng như là các công ty cổ phần nói chung.